TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST
Ngày 25-6-2025
V/v hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống;

Ông Lê Quang Đầy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2025/TLST - KDTM ngày 28 tháng 3 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST – KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-KDTM ngày 12/6/2025, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N; Địa chỉ trụ sở chính: 201 – 203, C, phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp nguyên đơn: Ông Trịnh Hữu H – Trưởng bộ phận khách hàng Doanh nghiệp – Ngân hàng Thương mại cổ phần N- chi nhánh B và ông Quách Đình Kh – chuyên viên khách hàng (theo văn bản ủy quyền số 110/2025/UQ-NHNA-B.LIEU ngày 12/3/2025); xin vắng.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Thương mại và dịch vụ T; địa chỉ trụ sở: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh B – Giám đốc (xin vắng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1982; địa chỉ: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

- Bà Huỳnh Cẩm Ng, sinh năm 1988; địa chỉ: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) N, người đại diện trình bày yêu cầu:

- Ngày 01/6/2023, Ngân hàng TMCP N – chi nhánh B (gọi tắt Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng số 0263/2023/616-CV với Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Sản xuất thương mại và dịch vụ T (gọi tắt là Công ty), ngân hàng cấp tín dụng cho công ty là 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng). Lãi suất áp dụng cố định trong suốt thời gian vay là 9,5%/năm, thời hạn vay 06 tháng, bắt đầu từ ngày 31/5/2024 đến 30/11/2024, lãi trả hàng tháng, nợ gốc trả cuối kỳ. Đảm bảo việc vay có thế chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, cụ thể:

- Giấy thứ nhất: số DB240533 thuộc thửa số 182 tờ bản đồ số 02 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03312 ngày 25/5/2021 diện tích 970,3m^2;

- Giấy thứ 2: số CX990907 thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ số 01, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03010 ngày 22/10/2020 diện tích 779,3m^2;

- Giấy thứ 3: số CX990908 thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 01, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03011 ngày 19/10/2020 diện tích 807,7m^2. Đều là loại đất trồng cây lâu năm khác, tọa lạc tại khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Do Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nay yêu cầu Công ty thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 25/6/2025 là 2.729.431.468 đồng. Trong đó, nợ gốc 2.499.086.794 đồng, nợ lãi trong hạn 23.451.042 đồng, lãi quá hạn 205.515.004 đồng, lãi chậm trả lãi 1.378.628 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/6/2025 cho đến khi công ty thanh toán xong nợ.

- Trường hợp Công ty không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp cùng toàn bộ hoa lợi, lợi tức, doanh thu và các quyền phát sinh từ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nợ cho ngân hàng, trường hợp số tiền thu được không đủ để thanh toán nợ thì bên vay phải có nghĩa vụ trả và dùng các tài sản hợp pháp khác của bên vay để trả hết khoản nợ còn lại cho ngân hàng.

*Ông Nguyễn Thanh B đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày***:**

Xác nhận có vay Ngân hàng đúng như trình bày của đại diện nguyên đơn, về gốc lãi đồng ý tính đến ngày 28/5/2025 là 2.701.932.785 đồng. Trong đó, nợ gốc 2.499.086.794 đồng, nợ lãi trong hạn 23.451.042 đồng, lãi quá hạn 178.196.219 đồng, lãi chậm trả lãi 1.198.730 đồng.

Đảm bảo việc vay có thế chấp tài sản như đại diện nguyên đơn trình bày.

Nay đồng ý thanh toán, nhưng về phần lãi đồng ý trả lãi trong hạn, đề nghị Ngân hàng không tính lãi quá hạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Cẩm Ng, không có văn bản nêu ý kiến trả lời cho Tòa án.

Tại phiên tòa

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, về thủ tục tố tụng không có ý kiến.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến 25/6/2025 là 2.729.431.468 đồng. Trong đó, nợ gốc 2.499.086.794 đồng, nợ lãi trong hạn 23.451.042 đồng, lãi quá hạn 205.515.004 đồng, lãi chậm trả lãi 1.378.628 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/6/2025 cho đến khi công ty thanh toán xong nợ. Trường hợp không trả được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên tài sản thế chấp phát mãi thu hồi nợ.

Chi phí tố tụng và án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, bị đơn và người liên quan ông Nguyễn Thanh B có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Cẩm Ng được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần đương sự vắng mặt, căn cứ vào căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Ng là có cơ sở.

Xét quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện Công ty yêu cầu thanh toán tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký. Quan hệ pháp luật là: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*.

Hợp đồng các bên ký kết ngày 01/06/2023, đáo hạn ký nhận nợ ngày 31/5/2024, thời điểm này Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 chưa có hiệu lực nên áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty thanh toán tiền vay nợ gốc và lãi là 2.729.431.468 đồng, tiếp tục trả lãi đến khi trả hết nợ gốc mức lãi suất theo hợp đồng đã ký, thấy rằng:

[1.1] *Xét thẩm quyền ký kết hợp đồng:* Hợp đồng tín dụng số: 0263/2023/616-CV ngày 01/6/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N – chi nhánh B do ông Phạm Văn Th – Phó Giám đốc đại diện ký với Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ T ông Nguyễn Thanh B là Giám đốc đại diện ký. Về mặt thẩm quyền ký kết, Ngân hàng TMCP N có văn bản ủy quyền thường xuyên cho các chi nhánh trong việc ký kết hợp đồng tín dụng và một số lĩnh vực khác liên quan đến hoạt động kinh doanh nên ông Trịnh Minh Th đại diện Chi nhánh B ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên là đúng thẩm quyền.

[1.2] *Xét hợp đồng tín dụng:* Ngày 01/6/2023, Công ty T có ký hợp đồng tín dụng số 0263/2023/616-CV để vay 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng); thời hạn vay 06 tháng; sau đó được đáo hạn theo giấy nhận nợ ngày 21/5/2024 và ngày 31/5/2024, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh vật tư thủy sản. Khi giao dịch, hai bên hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng.

Do đó, căn cứ theo quy định Điều 117 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng giữa các đương sự là có thật và hợp pháp.

[1.3] *Xét yêu cầu trả nợ gốc:* Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay là Công ty không thực hiện đúng cam kết của hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Theo hợp đồng tín dụng nói trên thì ngày giải ngân nhận nợ là ngày 21/5/2024 1.500.000.000 đồng; ngày 31/5/2024 là 1.000.000.000 đồng do đó ngày thanh toán nợ gốc của 1.500.000.000 đồng là ngày 21/11/2024; thanh toán nợ gốc 1.000.000.000 đồng là ngày 30/11/2024, nhưng Công ty không thanh toán. Do đó, căn cứ vào Điều 7 của Hợp đồng tín dụng nói trên thì Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng về việc kiện đòi Công ty thanh toán toàn bộ vốn gốc 2.499.086.794 đồng là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

[1.4] *Xét yêu cầu về nợ lãi:* Ngân hàng yêu cầu Công ty thanh toán lãi theo hợp đồng đã ký, thấy rằng:

Đối với lãi suất thời điểm Ngân hàng cho vay 9.5%/năm là thấp hơn lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Từ khi vay đến nay, Công ty có đóng lãi nhưng không đầy đủ, việc chậm trả lãi của Công ty là vi phạm thỏa thuận của đôi bên, do đó yêu cầu trả lãi của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ, lãi tính đến hết ngày 25/6/2025 là 230.344.674 đồng. Trong hạn: Lãi trong hạn 23.451.042 đồng, lãi quá hạn 205.515.004 đồng, lãi chậm trả lãi 1.378.628 đồng.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc Công ty có trách nhiệm thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng là 2.729.431.468 đồng. Trong đó, nợ gốc 2.499.086.794 đồng, nợ lãi trong hạn 23.451.042 đồng, lãi quá hạn 205.515.004 đồng, lãi chậm trả lãi 1.378.628 đồng.

Kể từ ngày 26/6/2025 Công ty chậm thanh toán tiền thì tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách

hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng cho vay.

[3] Xét hợp đồng thế chấp:

Đảm bảo việc vay Công ty với Ngân hàng có ký hợp đồng thế chấp số 0008/2023/616-BĐ ngày 01/6/2023, ông Nguyễn Thanh B và bà Huỳnh Cẩm Ng đồng ý dùng tài sản là QSD đất tọa lạc tại khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau do ông bà đứng tên để đảm bảo cho khoản vay của Công ty, tài sản đảm bảo là QSD đất, thửa thứ nhất số DB240533 thuộc thửa 182 tờ bản đồ số 02 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03312 ngày 25/5/2021 diện tích 970,3m^2; thửa thứ hai số CX990907 thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ số 01, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03010 ngày 22/10/2020 diện tích 779,3m^2; thửa thứ ba số CX990908 thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 01, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03011 ngày 19/10/2020 diện tích 807,7m^2. Đều là loại đất trồng cây lâu năm khác để đảm bảo khoản vay 2.500.000.000 đồng.

Thấy rằng, hợp đồng thế chấp có chứng thực tại Văn phòng công chứng C, đồng thời có đăng ký thế chấp tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai của huyện N, về trình tự thủ tục đúng quy định pháp luật nên hợp đồng thế chấp hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bị đơn không thanh toán được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của ông B, bà Ng để thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng.

[4] Đại diện theo pháp luật của bị đơn xin được giảm lãi quá hạn, phía đại diện nguyên đơn không đồng ý. Thấy rằng: Trong hợp đồng tín dụng đôi bên đã ký kết thì bên vay phải chịu lãi nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó yêu cầu xin giảm lãi của đại diện bị đơn không được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 400.000 đồng, yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu, nộp để trả lại cho nguyên đơn.

Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch yêu cầu của Ngân hàng được chấp toàn bộ nên Công ty phải chịu án trên tổng số tiền thực hiện nghĩa vụ là 86.589.000 đồng.

Ngân hàng không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 319, Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N về việc khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại và dịch vụ T thanh toán tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại và dịch vụ T thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền vay gốc và lãi là 2.729.431.468 đồng (hai tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu bốn trăm ba mươi mốt ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng), lãi tính đến ngày 25/6/2025.

Trong đó, nợ gốc 2.499.086.794 đồng, nợ lãi trong hạn 23.451.042 đồng, lãi quá hạn 205.515.004 đồng, lãi chậm trả lãi 1.378.628 đồng.

Kể từ ngày 26/6/2025 Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ T chưa thanh toán hết nợ, thì Công ty còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng cho vay.

Trường hợp không trả được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản là QSD đất do ông

Nguyễn Thanh B và bà Huỳnh Cẩm Ng đứng tên QSD đất gồm: thửa thứ nhất số DB240533 thuộc thửa 182 tờ bản đồ số 02 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03312 ngày 25/5/2021 diện tích 970,3m^2; thửa thứ hai số CX990907 thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ số 01, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03010 ngày 22/10/2020 diện tích 779,3m^2; thửa thứ ba số CX990908 thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 01, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03011 ngày 19/10/2020 diện tích 807,7m^2.

Buộc nguyên đơn trả lại bản gốc các giấy chứng nhận QSD đất thế chấp cho ông B, bà Ng khi bị đơn đã tất toán hợp đồng thanh toán hết nợ.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 400.000 đồng Công ty phải chịu, Ngân hàng đã nộp tạm ứng, buộc Công ty nộp 400.000 đồng để trả cho Ngân hàng.

- Về án phí:

+ Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ T phải chịu án phí KDTM số tiền là 86.589.000 đồng.

+ Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 42.272.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014384 ngày 28/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKS ND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính